

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 612 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**

UBND. TỈNH KHÁNH HOA	
Số: 5947	
ĐẾN	Ngày: 20/9
Chuyến:	

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 13.222 thôn đặc biệt khó khăn, bao gồm: 11.179 thôn của xã khu vực III; 736 thôn của xã khu vực II, 1.184 thôn của xã khu vực I và 123 thôn của các xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*danh sách kèm theo*).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBĐT;
- Lưu: VT, CSĐT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Hầu A Lệnh


ĐANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
THUỘC VÙNG ĐÀN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HOÀ
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 612 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBK
	Tổng cộng	66
	Xã có thôn vùng DTTS&MN	2
	Xã khu vực I	2
	Xã khu vực II	6
	Xã khu vực III	56
I	Huyện Khánh Vĩnh	
1	TT Khánh Vĩnh	II
	Tổ dân phố số 3	
	Tổ dân phố số 5	
2	Xã Khánh Đông	II
	Thôn Suối Thơm	
3	Xã Khánh Thành	III
	Thôn Gia Răng	
	Thôn Tà Mơ	
4	Xã Khánh Phú	III
	Thôn Nước Nhĩ	
	Thôn Giang Mương	
	Thôn Ngã Hai	
	Thôn Sơn Thành	
5	Xã Cầu Bà	III
	Thôn Đá Trắng	
	Thôn Đá Bàn	
6	Xã Liên Sang	III
	Thôn Chà Liên	
	Thôn Bầu Sang	
7	Xã Giang Ly	III
	Thôn Gia Rích	
	Thôn Gia Lố	
8	Xã Sơn Thái	III
	Thôn Bồ Lang	
	Thôn Giang Biên	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBKK
9	Xã Khánh Thượng	III
	Thôn Đa Râm	
	Thôn Suối Cát	
	Thôn Tà Gộc	
10	Xã Khánh Nam	III
	Thôn Hòn Dù	
	Thôn A Xay	
11	Xã Khánh Trung	III
	Thôn Suối Lách	
	Thôn Suối Cá	
	Thôn Bắc Sông Giang	
12	Xã Khánh Bình	III
	Thôn Bến Khế	
	Thôn Cà Hon	
	Thôn Ba Dù	
13	Xã Khánh Hiệp	III
	Thôn Hòn Lay	
	Thôn Ba Cặng	
	Thôn Cà Thiêu	
II	Huyện Khánh Sơn	
1	Xã Thành Sơn	III
	Thôn A pa 1	
	Thôn A pa 2	
	Thôn Tà Giang 1	
	Thôn Tà Giang 2	
2	Xã Sơn Lâm	III
	Thôn Du Oai	
	Thôn Ha Nít	
	Thôn Ko Róa	
3	Xã Sơn Bình	III
	Thôn Liên Bình	
	Thôn Xóm Cỏ	
	Thôn Cô Lắc	
4	Xã Sơn Hiệp	III
	Thôn Hòn Dung	
	Thôn Liên Hiệp	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBKK
	Thôn Xà Bói	
	Thôn Tà Gụ	
5	Xã Sơn Trung	III
	Thôn Ma O	
	Thôn Chi Chay	
6	Xã Ba Cùm Bắc	III
	Thôn Dốc Trầu	
	Thôn Suối Đá	
	Thôn Tha Mang	
	Thôn A Thi	
7	Xã Ba Cùm Nam	III
	Thôn Ka Tư	
	Thôn Suối Me	
	Thôn Hòn Gầm	
8	TT Tô Hạp	III
	TDP Hạp Thịnh	
	Thôn Tà Lương	
	Thôn Dốc Gạo	
III	Huyện Cam Lâm	
1	Xã Sơn Tân	III
	Thôn Valy	
	Thôn Suối Cốc	
2	Xã Suối Cát	I
	Thôn Suối Lau 3	
3	Xã Cam Phước Tây	I
	Thôn Văn Sơn	
IV	Huyện Diên Khánh	
1	Xã Suối Tiên	
	Thôn Lỗ Gia	
2	Xã Diên Tân	
	Thôn Đá Mài	
V	Thị xã Ninh Hòa	
1	Xã Ninh Tây	II
	Thôn Sông Bung	
	Thôn Buôn Sim	
	Thôn Suối Mít	

Biểu 1.

**TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH XÃ, THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số: ngày /01/2021 của Ban Dân tộc)

T T	TÊN HUYỆN	Xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN				Xác định thôn đặc biệt khó khăn				Ghi chú		
		Tổng số xã vùng DTTS MN	Trong đó			Tổng số thôn vùng DTTS MN	Tổng số	Trong đó				
			Xã khu vực III	Xã khu vực II	Xã khu vực I			Số thôn tại các xã khu vực III	Số thôn tại các xã khu vực II		Số thôn tại các xã khu vực I	Số thôn tại các xã ngoài khu vực I, II, III
	Tổng cộng	28	20	3	5	87	66	56	6	2	2	
1	Huyện Khánh Vĩnh	13	11	2	0	35	31	28	3	0	0	
2	Huyện Khánh Sơn	8	8	0	0	29	26	26	0	0	0	
3	Huyện Cam Lâm	3	1	0	2	8	4	2	0	2	0	
4	Huyện Diên Khánh	0	0	0	0	2	2	0	0	0	2	
5	Thị xã Ninh Hòa	2	0	1	1	7	3	0	3	0	0	
6	Thành phố Cam Ranh	2	0	0	2	6	0	0	0	0	0	